






Inference for Quantitative Data: Slopes

AP Statistics · Vocabulary

English	中文	Pinyin
 scatterplot	散点图	sàn diǎn tú
 sample slope	样本斜率	yàng běn xié lǜ
 regression	回归	huí guī
 sampling variability	抽样变异性	chōu yàng biàn yì xìng
 true (population) slope	总体斜率	zǒng tǐ xié lǜ
 inference	推断	tuī duàn
— linear	线性	xiàn xìng
 residual plot	残差图	cán chà tú